

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 696 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10-7-2018
V/v: *Ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Hoàng Thị Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Sao
2. Ông Kim Thái Hồ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh: không tham gia phiên tòa

Ngày 10/7/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 492/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Khắc T, sinh năm 1991; Địa chỉ: tổ 102, khu 10A, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh .

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm: 1986 ; Địa chỉ: 133/26 G, phường Tân Quý, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

(Tại phiên tòa : Ông T có đơn xét xử vắng mặt, bà H có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/5/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Bùi Khắc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Mỹ H tự nguyện chung sống năm 2011, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 83 ngày 22/8/2011.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng hơn. Vợ chồng đã không còn ở chung trong nhiều năm, không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không

còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà H để ổn định cuộc sống.

Về quan hệ con chung: ông và bà H có một con chung tên Bùi Công K, sinh ngày 09/4/2011. Khi ly hôn, ông đồng ý giao con cho bà H nuôi dưỡng nếu bà H có nguyện vọng nuôi con. Nếu bà H không nuôi con thì ông sẽ nuôi con. Ông và bà H sẽ tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung : Không có.

Do hiện nay ông T đang sinh sống tại Quảng Ninh, không có điều kiện tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết nên ông có đơn đề ngày 23/4/2018 yêu cầu được vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, tại các phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa xét xử.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị Mỹ H trình bày :

Về quan hệ hôn nhân : Bà xác nhận việc kết hôn và thời gian chung sống như ông T trình bày là đúng.

Bà xác nhận vợ chồng chung sống được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau. Bà và ông T đã không còn ở chung từ năm 2012 đến nay, mỗi người ở một nơi, có cuộc sống riêng không còn sự quan tâm nhau. Nay ông T yêu cầu ly hôn thì bà cũng đồng ý ly hôn.

Về quan hệ con chung : Bà và ông T có một con chung tên Bùi Công K, sinh ngày 09/4/2011. Hiện nay con chung đang ở với bà nên khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con .

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung : Bà xác nhận không có.

Do ông T có đơn yêu cầu vắng mặt tại các phiên hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa hôm nay :

- Nguyên đơn : Ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn : Vẫn giữ nguyên ý kiến như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 83 do Ủy ban nhân dân phường C, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 22/8/2011 thì quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Bà H có nơi cư trú tại quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay ông T yêu cầu ly hôn, Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt nguyên đơn: Ông T có đơn đề ngày 23/4/2018 yêu cầu được vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, tại các phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông T và bà H cùng xác nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đã không còn sống chung từ năm 2012, mỗi người ở một nơi, tình cảm vợ chồng không còn nên cùng thống nhất ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử công nhận việc thuận tình ly hôn của ông T và bà H.

- *Về quan hệ con chung:* Ông T và bà H có một con chung tên Bùi Công K, sinh ngày 09/4/2011. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được nuôi con chung. Tại bản tự khai đề ngày 23/4/2018 ông T cũng đồng ý giao con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận của các bên phù hợp với nguyện vọng của con và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên ghi nhận. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông T do bà H không yêu cầu.

- *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:* Ông T và bà H cùng xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0011095 ngày 17/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Ông T đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Khắc T.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Bùi Khắc T và bà Nguyễn Thị Mỹ H cùng thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân giữa ông Bùi Khắc T và bà Nguyễn Thị Mỹ H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 83 do Ủy ban nhân dân phường C, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 22/8/2011 cấp cho ông T và bà H chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- *Về quan hệ con chung*: Giao con chung tên Bùi Công K, sinh ngày 09/4/2011 cho bà Nguyễn Thị Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông T do bà H không yêu cầu.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa giải quyết.

+ Ông T được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung*: Ông T, bà H xác nhận không có.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Bùi Khắc T chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0011095 ngày 17/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị Mỹ H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Bùi Khắc T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- UBND phường C, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu VP, hồ sơ (Hạnh)/.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Thị Thanh Mai

